VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO NGHỀ ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

ThS. PHAN TRẦN PHÚ LỘC*

Abstract: *The link in vocational training between the vocational schools and enterprises is to save time and create employment opportunities easier for vocational students and makes them feel secure in studying. The link helps the enterprises be proactive in looking for skilled labours and enhances their concerns for human resource training. The enterprises and vocational colleges have responsibility in designing curriculum, organizing the training activities, examinating and evaluating the results.*

Keywords: *joint vocational training with the enterprises; the role of business in vocational joint training.*

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CSGDNN) thường không đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ việc dạy học cho sinh viên (SV), đặc biệt là vấn đề thực hành. Việc liên kết đào tạo (LKĐT) giữa CSGDNN với doanh nghiệp (DN) giúp khắc phục hạn chế này trong đào tạo nghề hiện nay. Mặt khác, LKĐT còn mang tính xã hội hóa, phương thức đào tạo này còn tiết kiệm thời gian và tạo nhiều cơ hội việc làm, giúp người học yên tâm và chủ động hơn trong quá trình học tập, DN chủ động hơn trong việc tìm kiếm nguồn nhân lực và nâng cao trách nhiệm của họ đối với quá trình đào tạo của CSGDNN.

Bài viết này trình bày vai trò của các DN trong LKĐT với các CSGDNN nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động (TTLĐ) tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương hiện nay.

1. Vai trò của DN trong LKĐT nghề

1.1. Tạo điều kiện cho SV thực tập, thực hành: Năm 2015, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ở 32 CSGDNN ở một số tỉnh phía nam cho thấy: - Có 165 biên bản hợp tác giữa CSGDNN và DN trong việc đào tạo, tiếp nhận SV đến học tập tại DN. Tổng số DN kí kết, hợp tác lâu dài với các CSGDNN là 203; hợp tác ngắn hạn là 353. Ngoài ra còn có một số CSGDNN và DN hợp tác trong LKĐT nhưng không kí biên bản hợp tác, hoặc có biên bản hợp tác nhưng lại không triển khai thực hiện.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, việc DN tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập (thực tập nghề) tại Bình Dương không nhiều (26%). Theo đánh giá của các cán bộ quản lí tại CSGDNN, những DN tạo điều kiện thuận lợi khi SV đến thực tập, thực hành là: - DN "vệ tinh" (có mối quan hệ tốt với CSGDNN, chủ DN có thể là cựu SV hay đối tác của CSGDNN; - DN khi có SV đến thực tập mang lại lợi ích ngay cho họ; - DN nhận thức được tiềm lực và lợi ích lâu dài của việc SV đến thực tập (nhân viên tiềm năng mà DN có thể tuyển dụng trực tiếp sau khi tốt nghiệp).

1.2. Tham gia phát triển chương trình đào tạo. Bản chất của việc xây dựng chương trình đào tạo nghề được bắt nguồn từ khảo sát TTLĐ, phân tích nghề, phân tích công việc với sự tham gia của DN trong tất cả các khâu của phát triển chương trình đào tạo. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát hợp tác giữa CSGDNN và DN cho thấy hoạt động này chỉ diễn ra ở mức "bình thường" (40,2%), điều này thể hiện mối quan hệ hợp tác giữa CSGDNN và DN chưa thực sự chặt chẽ và đạt được hiệu quả như mong muốn. Trên thực tế, nội dung, chương trình đào tạo chủ yếu là do nhà trường (CSGDNN) xây dựng, bên cạnh đó có tham khảo ý kiến của đại diện DN. Trong quá trình thực hiện, một số CSGDNN có điều chỉnh chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo yêu cầu của DN trong phạm vi cho phép (khoảng 30% thời lượng của chương trình). Việc điều chỉnh này giúp các CSGDNN chủ động thực hiện theo điều kiện hiện có.

1.3. Tham gia giảng dạy tại CSGDNN: Hình thức này đã được áp dụng ở một số CSGDNN, nhưng

*** Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore**

chủ yếu là dừng lại ở mức độ mời cán bộ của DN về trường để nói chuyện chuyên đề về những hoạt động liên quan. Tuy chưa nhiều, nhưng một số trường cao đẳng nghề (như: Đồng An; Việt Nam - Singapore, Phân hiệu Cao đẳng nghề Đường Sắt phía Nam...) đã áp dụng hình thức này và đánh giá hiệu quả là khả quan, mang lại động cơ học tập cho SV. Việc tham gia giảng dạy của DN cho SV còn ít về thời lượng và nội dung chủ yếu do chưa có cơ chế hỗ trợ cán bộ của DN tham gia giảng dạy như: DN được giảm thuế; cán bộ của DN được tập huấn về phương pháp giảng dạy, được hưởng chế độ phù hợp.

1.4. Hợp tác trong tuyển dụng lao động: Để có nguồn lao động chất lượng đáp ứng nhu cầu, các DN đã quan tâm hơn đến sản phẩm đào tạo từ CSGDNN. 48,9% DN cho rằng việc tiếp nhận SV tốt nghiệp tại các CSGDNN vào làm việc là thường xuyên. Điều này chứng tỏ các DN đã quan tâm nhiều hơn việc tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề, việc tăng cường LKĐT giữa CSGDNN và DN đã mang lại lợi ích thiết thực cho hai bên, cũng như đáp ứng xu thế phát triển chung của công cuộc CNH, HĐH đất nước.

1.5. Hướng dẫn, đánh giá kết quả học tập của SV: Theo chương trình khung đào tạo, trình độ trung cấp và cao đẳng nghề do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành, trong quá trình học tập, SV phải thực tập tại DN với thời lượng khoảng 10% tổng chương trình. Qua thực tế cho thấy, DN có cử người hướng dẫn SV trong quá trình thực tập, học tập tại DN, tuy nhiên, chưa nhiệt tình, sâu sát. Đặc biệt, một số chuyên ngành như: tài chính, kế toán, công nghệ thông tin còn gặp nhiều khó khăn, do không có người hướng dẫn, DN không đánh giá khách quan. Mặt khác, theo quy định trong tổ chức thi tốt nghiệp ở các trường dạy nghề phải có sự tham gia của đại diện DN tham gia cùng CSGDNN chọn đề thi, tiến hành đánh giá (Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH), song việc đánh giá của DN với SV còn hình thức chưa chính xác, khách quan, phần lớn đều đánh giá "đạt yêu cầu", chưa có sự phân loại rõ nét về khả năng nghề nghiệp của SV, DN chưa nhận thức rõ vai trò của công tác thi, kiểm tra, đánh giá SV trong quá trình đào tạo.

2. Những thuận lợi và khó khăn trong LKĐT giữa CSGDNN và DN

2.1. Thuận lợi: - CSGDNN luôn quan tâm đến việc phát triển học tập của SV tại DN, luôn mong muốn mở rộng cơ hội trải nghiệm thực tế cho SV qua các đợt thực tập, chủ động phát huy nội lực, phát triển các mối quan hệ của nhà trường với các DN; - Một số DN nhận thức được lợi ích từ việc SV đến thực tập tại DN, vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi từ việc nhận SV về thực tập, đến việc cử giảng viên (GV) hướng dẫn tại DN, hỗ trợ SV về mặt tài chính; - GV của CSGDNN giàu nhiệt huyết, năng động, luôn tận tâm và hướng dẫn SV nhiệt tình, nhiều GV có mối quan hệ tốt với DN, giới thiệu và kết nối với các DN, giúp SV được thực tập với môi trường phù hợp với năng lực, nghề nghiệp được đào tạo; - Công tác lập kế hoạch, quản lí, tổ chức và đánh giá kết quả học tập của SV tại DN được GV thực hiện nghiêm túc; - Phần lớn SV tỏ ra thích thú và tích cực trong quá trình học tập tại DN, nhiều SV ham học hỏi, chịu khó quan sát, biết vận dụng lí thuyết vào thực tế, được tuyển dụng vào DN đã thực tập ngay sau khi tốt nghiệp; - Những SV đã ra trường có vị trí quan trọng trong các DN tạo điều kiện cho CSGDNN đưa SV các khóa sau đến DN của họ để thực tập, nhiều cựu SV đang giữ vai trò quan trọng trong việc thiết lập mạng lưới các DN vệ tinh.

***2.2. Khó khăn*:** Hiện tại chưa có chính sách hợp lí, quy định việc hợp tác giữa CSGDNN và DN trong đào tạo; - Số lượng SV quá lớn trong khi số DN vệ tinh tiếp nhận SV ít hơn gây khó khăn cho DN trong việc bố trí địa điểm thực tập, hướng dẫn, kiểm tra giám sát cũng như đánh giá kết quả thực tập của SV; - Thời lượng dành cho việc học tập tại DN tuy đã được tăng đến mức tối đa nhưng lại phụ thuộc vào chương trình, kế hoạch đào tạo của CSGDNN, kế hoạch sản xuất của DN; - CSGDNN gặp khó khăn trong việc phân bổ kinh phí, GV hướng dẫn tại DN, cũng như việc giám sát, đánh giá kết quả học tập tại DN; - Các DN Nhà nước chưa tạo điều kiện thuận lợi khi SV đến thực tập, do đó SV chưa được làm đúng những công việc theo chuyên môn đào tạo để phát triển năng lực nghề nghiệp; - Đội ngũ GV hướng dẫn cho SV thực tập tại DN chưa chuyên nghiệp, vì vậy việc sắp xếp cán bộ hướng dẫn SV thực tập trên thực tế đang gặp nhiều khó khăn; - Một số SV chưa xác định đúng vai trò và tầm quan trọng của việc thực tập tại DN, chưa tập trung nghiên cứu, tìm hiểu thông tin, còn có tâm lí e ngại, do đó chưa tận dụng triệt để lợi ích của việc học tập tại DN.

3. Một số đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả trong LKĐT giữa CSGDNN và DN

3.1. Với các cơ quan quản lí nhà nước, cần: - Thể chế hóa trách nhiệm của các DN trong việc

tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Trong đó, cần nêu rõ ràng buộc và trách nhiệm để DN hợp tác với CSGDNN trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá kết quả học tập của SV tại DN; - Có chế độ ưu đãi đối với các DN hoàn thành việc đào tạo nhân lực cho xã hội, có chế tài xử lí các DN không hoàn thành; - Có quy định cụ thể việc xác lập mối quan hệ giữa CSGDNN với DN trong kiểm định chất lượng, coi việc đưa SV đến các DN thực hành, thực tập là một tiêu chí để kiểm định chất lượng các CSGDNN; - Có cơ chế tạo điều kiện để tăng cường mối quan hệ giữa CSGDNN và DN, thiết lập trung tâm kết nối, hình thành mạng lưới liên kết giữa CSGDNN và DN nhằm cung cấp thông tin về yêu cầu và khả năng đáp ứng của các bên liên quan.

3.2. Với CSGDNN, cần: - Xác định hợp tác với DN trong đào tạo và chuyển giao công nghệ là động lực để phát triển; - Đào tạo tại DN là một "chuẩn đầu ra" không thể thiếu cho SV khi tốt nghiệp; - Sắp xếp thời gian cho SV đến DN thực tập hợp lí, đảm bảo tính logic giữa các module, đồng thời đáp ứng được kế hoạch sản xuất của DN; - Thành lập trung tâm để hỗ trợ, giúp đỡ SV giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực tập tại DN, các Khoa chuyên môn cần phối hợp chặt chẽ với trung tâm này để liên hệ, kết nối đưa SV đến với DN; - Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về các DN, đối tác, cơ quan quản lí ở địa phương để tìm kiếm thông tin về những DN tiềm năng; - Lên kế hoạch giao cho cán bộ, GV phụ trách từng nhóm DN để duy trì kết nối thường xuyên; - Xây dựng mạng lưới GV thỉnh giảng là các cán bộ quản lí, cán bộ kĩ thuật của DN để tổ chức tham gia giảng dạy tại CSGDNN và DN; - Có cơ chế khuyến khích GV tham gia hướng dẫn SV thực hành, thực tập tại DN; - Thiết lập hợp đồng giữa 3 bên: CSGDNN - DN - SV trong quá trình tổ chức học tập tại DN để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên.

3.3. Với các DN, cần: Tạo điều kiện giúp đỡ SV đến học tập tại DN, góp phần phát triển nguồn nhân lực của đất nước; - Nâng cao trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc hợp tác với CSGDNN để đào tạo nhân lực; - Tổ chức hội nghị khách hàng để các DN và CSGDNN có điều kiện gặp gỡ trao đổi, đề xuất những nhu cầu hợp tác; - Hợp đồng phát triển các sản phẩm khoa học của CSGDNN thành sản phẩm hàng hóa mang lại lợi ích cho cả hai bên; - Xây dựng "quỹ đào tạo" để trả lương cho cán bộ của DN tham gia giảng dạy cho SV, cử cán bộ tham gia các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy.

3.4. Với GV, cần: - Xây dựng, lập kế hoạch, quản lí, tổ chức và đánh giá kết quả học tập của SV tại DN; - Phát triển các mối quan hệ đối với DN và các cựu SV; - Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt các chương trình học tập và đánh giá kết quả học tập của SV tại DN, giúp SV tổ chức đánh giá chéo và tự đánh giá hiệu quả.

3.5. Với SV, cần: - Hiểu lợi ích của việc học tập tại DN, chủ động đề xuất các vấn đề học tập mong muốn và thay đổi phù hợp với công việc hiện tại ở DN đến học tập; - Từng bước xóa bỏ tâm lí ngại ngùng; nâng cao ý thức tự học, tham gia các khóa học để phát triển năng lực nghề nghiệp; - Thực hiện đánh giá chéo trong các nhóm SV, chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm của bản thân để nâng cao hiệu quả của việc học tập tại DN.

* * *

Việc hợp tác chặt chẽ giữa các CSGDNN với DN sẽ phát huy được vai trò tích cực của DN trong quá trình đào tạo nghề (lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá kết quả học tập cho người học tại DN); tiết kiệm được chi phí đầu tư đào tạo, hiệu quả và chất lượng đào tạo được nâng cao; sản phẩm của quá trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu của TTLĐ trên địa bàn và có khả năng cạnh tranh trong môi trường hội nhập như hiện nay. ❑

Tài liệu tham khảo

[1] Trần Khánh Đức (2014). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha (2016). *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3] Gunnar Specht, Clemens Aipperspach (2009). *Vai trò của doanh nghiệp trong tổ chức và quản lí dạy nghề ở Việt Nam - Thực trạng và những chính sách cần thiết*. Tổ chức Hợp tác Phát triển Việt - Đức, Tư vấn hệ thống Đào tạo nghề Việt Nam.

[4] Chana Kasipar - Mac Van Tien - Se-Yung LIM - Pham Le Phuong - Phung Quang Huy - Alexander Schnarr - Wu Quanquan - Xu Ying - Frank Bünning (2009). *Linking Vocational Training with the Enterprises - Asian Perspectives*. InWEnt - Internationale Weiterbildung und Entwicklung GmbH Capacity Building International, Germany.